

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện
Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 2676/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 phê duyệt đơn giá hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; số 87/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 5481/KH-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm: 2022 đến 2024 từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 619/TTr-STNMT ngày 17/11/2021, kèm theo Công văn số 2823/STC-HCSN ngày 20/10/2022 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023 với các nội dung chính như sau:

1. Tên Đề cương: Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023.

2. Mục đích: Quan trắc thường xuyên các thành phần môi trường nước, không khí, đất, trầm tích trên địa bàn tỉnh; cung cấp số liệu, thông tin về chất lượng môi trường, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đơn vị chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

4. Đơn vị lập Đề cương và dự toán: Chi cục Bảo vệ môi trường.

5. Quy mô quan trắc

* Số điểm quan trắc: 106 điểm, trong đó:

- Môi trường nước mặt (sông, hồ): 40 điểm;

- Môi trường nước dưới đất: 20 điểm;

- Nước biển ven bờ: 06 điểm;
- Môi trường không khí xung quanh: 29 điểm;
- Môi trường đất: 05 điểm;
- Trầm tích: 06 điểm.

* *Thông số, tần suất quan trắc:*

| STT | Môi trường | Tần suất | Thông số quan trắc | Quy chuẩn áp dụng |
|-----|----------------------|--------------------------|--|---|
| 1 | Nước mặt | Nước sông: 12 lần/năm | pH, DO, TSS, BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Fe, Pb, Hg, Cd, As, tổng Cr, Mn, CN ⁻ , dầu mỡ, Coliform, E. coli, Thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ (Aldrin, Benzen hexachloride, Dieldrin, tổng Dichloro diphenyl trichloroethane) | QCVN 08-MT:2015/BTNMT |
| | | | Quan trắc thêm 02 thông số Cl ⁻ và chất hoạt động bề mặt đối với 16 điểm nước sông thuộc 6 huyện, thị xã, thành phố có biển | |
| | | Nước hồ: 4 lần/năm | pH, DO, TSS, BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Fe, Pb, Hg, Cd, As, tổng Cr, Mn, CN ⁻ , dầu mỡ, Coliform, E. coli, Thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ (Aldrin, Benzen hexachloride, Dieldrin, tổng Dichloro diphenyl trichloroethane) | |
| 2 | Nước dưới đất | 4 lần/năm | pH, độ cứng, TDS, chỉ số permanganat, NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , NO ₂ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , Cl ⁻ , F ⁻ , Fe, Mn, As, E. coli, Coliform | QCVN 09-MT:2015/BTNMT |
| 3 | Nước biển ven bờ | 4 lần/năm | pH, TSS, NH ₄ ⁺ -N, Pb, Cd, Cr, Fe, Hg, CN ⁻ , tổng dầu mỡ khoáng, Coliform | QCVN 10-MT:2015/BTNMT |
| 4 | Môi trường đất | 1 lần/năm | As, Cd, Cu, Pb, Zn, Thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ (Aldrin, Endrin, Heptachlor, Lindane, DDT) | QCVN 03-MT:2015/BTNMT |
| 5 | Trầm tích | 1 lần/năm | As, Cd, Pb, Zn, Hg, Cr, Cu | QCVN 43:2012/BTNMT |
| 6 | Không khí xung quanh | 12 lần/năm | Đối với 04 vị trí khu dân cư gần bãi rác: Thông số khí tượng (Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió), NH ₃ , H ₂ S, CH ₃ SH | QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2009/BTNMT |
| | | | Đối với 25 điểm còn lại: Thông số khí tượng (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió), Tiếng ồn, Bụi lơ lửng, SO ₂ , NO ₂ , CO | |

6. Thời gian quan trắc: tổng thời gian quan trắc hiện trường trong năm 2023 là 165 ngày.

7. Sản phẩm quan trắc:

- Số liệu quan trắc hàng tháng và tổng hợp cả năm;
- Báo cáo kết quả quan trắc hàng tháng (12 báo cáo, mỗi tháng 01 báo cáo);
- Báo cáo kết quả quan trắc năm 2023 (01 báo cáo tổng hợp và 01 báo cáo tóm tắt);
- Cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường năm 2023.

8. Dự toán kinh phí thực hiện:

| STT | Nội dung | Kinh phí không bao gồm chi phí thiết bị và không tính thuế GTGT (đồng) |
|---------------------------|--|--|
| I | Kinh phí Quan trắc hiện trường và phân tích mẫu | 4.480.012.900 |
| 1 | Không khí | 608.996.400 |
| 2 | Nước mặt | 3.397.960.000 |
| 3 | Nước dưới đất | 318.240.000 |
| 4 | Nước biển ven bờ | 118.015.200 |
| 5 | Đất | 16.450.500 |
| 6 | Trầm tích | 20.350.800 |
| II | Kinh phí vận chuyển | 233.600.000 |
| Tổng cộng (I + II) | | 4.713.612.900 |
| Làm tròn | | 4.713.000.000 |

9. Nguồn vốn: kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2023 giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

10. Thời gian thực hiện: từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023 đã được phê duyệt theo đúng quy định.

- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, kiểm soát chi, hướng dẫn thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

- Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tân